

Giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển vùng kinh tế

Phạm Thị Huyền
Nguyễn Trần Hùng
Trường Đại học Thái Bình

Ngay từ giai đoạn Đổi mới, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc qua các thời kỳ đều đề cập tới các định hướng lớn về phát triển kinh tế vùng, trong đó nhấn mạnh “đảm bảo phát triển hài hòa giữa các vùng, miền; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển cho các vùng còn nhiều khó khăn”; “giảm dần tình trạng chênh lệch giàu-nghèo giữa các vùng, miền và các tầng lớp dân cư”; “các chính sách kinh tế xã hội phải phù hợp với đặc điểm từng vùng và từng dân tộc”. Bài viết này sẽ khái quát tình hình phát triển vùng kinh tế ở Việt Nam hiện nay, qua đó nhận diện một số hạn chế và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phát triển vùng kinh tế.

1. Mở đầu

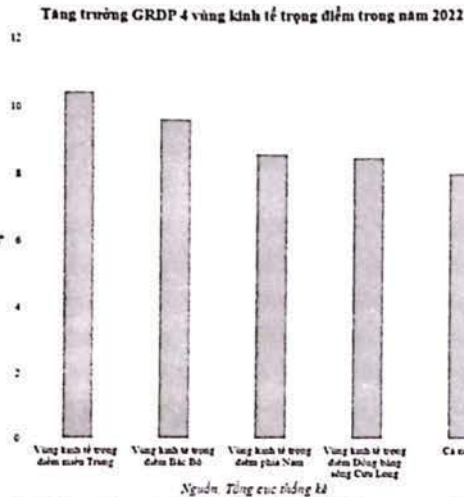
Phát triển toàn diện và đồng đều trên mọi lĩnh vực là mục tiêu chung mà các quốc gia trên thế giới đều hướng tới. Tại Việt Nam, phát triển kinh tế vùng luôn được Đảng Nhà nước xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm phát triển đất nước một cách hài hòa, bền vững. Những vấn đề thực tế đang đặt ra hiện nay đối với việc phát triển các vùng khác nhau như chênh lệch trong phát triển, khoảng cách về trình độ phát triển, chất lượng dân cư, vấn đề kinh tế - văn hóa, giáo dục và đào tạo đặc biệt là sự ổn định về an ninh - quốc phòng đã đặt ra những thách thức ngày càng tăng đối với Chính phủ trong việc hoạch định kế hoạch phát triển kinh tế giữa các vùng một cách cân xứng và bền vững. Ngay từ giai đoạn Đổi mới, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc qua các thời kỳ đều đề cập tới các định hướng lớn về phát triển kinh tế vùng, trong đó nhấn mạnh “đảm bảo phát triển hài hòa giữa các vùng, miền; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển cho các vùng còn nhiều khó khăn”; “giảm dần tình trạng chênh lệch giàu-nghèo giữa các vùng, miền và các tầng lớp dân cư”; “các chính sách kinh tế xã hội phải phù hợp với đặc điểm từng vùng và từng dân tộc”. Gần đây Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2030 cũng đã đề ra một số phương hướng, nhiệm vụ phát triển vùng kinh tế, và một trong những nhiệm vụ trọng tâm đó là: “Xây dựng quy hoạch, tổ chức không gian lãnh thổ quốc gia một cách hợp lý, phát huy tốt nhất các lợi thế đặc thù của mỗi vùng, địa phương”. Bài viết này sẽ khái quát tình hình phát triển vùng kinh tế ở Việt Nam hiện nay, qua đó nhận diện một số hạn chế và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phát triển vùng kinh tế.

2. Thực trạng phát triển vùng kinh tế

Ở Việt Nam, vùng được nhìn nhận như một công cụ quan trọng, không thể thiếu trong việc hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Phát triển vùng luôn nhằm mục đích khai thác tối đa tiềm năng và những lợi thế của vùng đó, trước hết để đảm bảo phát triển vùng trong điều kiện các nguồn lực luôn bị hạn chế, sau đó là đóng góp vào sự phát triển chung của quốc gia. Hiện nay chưa có khái niệm chính thức về vùng kinh tế, mà chỉ có khái niệm về vùng kinh tế - xã hội (KTXH), vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) và gần đây là vùng động lực: Theo đó khái niệm, đặc trưng của các vùng như sau:

- Đối với vùng KTTĐ: Hiện nay nước ta có 4 vùng KTTĐ gồm: vùng KTTĐ Bắc Bộ, vùng KTTĐ miền Trung, vùng KTTĐ phía Nam và vùng KTTĐ Đồng bằng sông Cửu Long với tổng số 24 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các vùng KTTĐ là nơi tập trung các đô thị lớn, là đầu mối giao lưu trong nước và quốc tế, tiêu biểu với 5 thành phố trực thuộc Trung ương như: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng và Cần Thơ. Vùng có lợi thế về hạ tầng kết nối giao thông thuận tiện với các khu vực trong và ngoài nước, là đầu mối giao thông vận tải biển và hàng không lớn nhất cả nước, 6/8 cảng biển quốc gia chiếm 93% công suất bốc xếp của cảng và 100% sân bay quốc tế tập trung tại vùng; tập trung đội ngũ lao động, cán bộ, quản lý có trình độ cao hơn so với các vùng khác. Chính vì điều kiện thuận lợi về mọi mặt, vùng đã trở thành nơi thu hút các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp hàng đầu của cả nước. Sự phát triển của vùng đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế của cả nước.

Trong năm 2022, vùng KTTĐ miền Trung có tăng trưởng GRDP cao nhất, đạt 10,43%, cao gấp 1,3 lần tăng trưởng GDP chung của các nước. Sau vùng KTTĐ miền Trung, vùng KTTĐ Bắc Bộ có tăng



trưởng GRDP xếp thứ 2, đạt 9,63%, cao gấp 1,2 lần tăng trưởng GDP chung của cả nước trong năm 2022. Đứng ở vị trí thứ 3 là vùng KTTĐ phía Nam với tăng trưởng GRDP đạt 8,6%, cao gấp 1,1 lần tăng trưởng GDP chung cả nước trong năm 2022. Cuối cùng là vùng KTTĐ Đồng bằng sông Cửu Long, tăng trưởng GRDP của vùng đạt 8,49% trong năm 2022.

- Đối với Vùng KT-XH: Hiện nay, cả nước được phân thành 6 vùng KT-XH bao gồm: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Đồng bằng Sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên Hải miền Trung, vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Về cơ bản, các vùng đã chủ động và chú trọng phát triển các lĩnh vực kinh tế là thế mạnh của vùng. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp – xây dựng, trong khi các vùng còn lại chuyển dịch theo hướng dịch vụ, đặc biệt là Đông Nam Bộ, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Công nghiệp trên địa bàn vùng Đồng bằng sông Hồng có bước phát triển mạnh, thu hút được nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao, hội nhập kinh tế quốc tế. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long phát huy lợi thế về sản xuất nông nghiệp, thủy sản; từng bước chuyển dần đất lúa kém hiệu quả sang loại cây trồng có giá trị kinh tế cao. Đời sống của người dân đã từng bước được cải thiện và nâng cao, theo đó tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, thu nhập và chỉ tiêu bình quân đầu người/tháng tăng dần qua từng năm. Hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội của cả 6 vùng đều được đầu tư cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng cơ bản yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và liên kết ở từng vùng như: các trục đường giao thông đường bộ, sân bay, cảng biển, hạ tầng viễn thông, hệ thống bệnh viện, trường học, khu an sinh ngày càng được đồng bộ hóa, thúc đẩy sự gắn kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng.

3. Hạn chế trong phát triển vùng kinh tế

Mặc dù, phát triển vùng đã đạt được một số kết quả tích cực, song việc thực hiện phát triển vùng ở

Việt Nam thời gian qua còn bộc lộ khá nhiều hạn chế, như là:

- Các vùng KTTĐ vẫn chưa thực sự phát huy được vai trò là đầu tàu phát triển kinh tế của cả nước, chưa khẳng định được vị thế và tác động lan tỏa tới các vùng khác. Cụ thể là các vùng KTTĐ vẫn chưa có những sản phẩm mang tính đột phá, có giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cao. Hiện nay tác động lan tỏa trong việc hình thành các cụm ngành tại địa phương lân cận cùng KTTĐ với chức năng cung cấp sản phẩm đầu vào cho các doanh nghiệp và thị trường tại vùng KTTĐ chưa rõ. Trên thực tế, suốt thời gian qua, ngoại trừ vùng KTTĐ phía Nam có thành phố Hồ Chí Minh đã liên kết nhiều với các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất, phát triển mạng lưới thu mua, tiêu thụ sản phẩm, hình thành các chuỗi liên kết, chuỗi giá trị sản phẩm mới; còn mối liên kết giữa các tỉnh trong vùng KTTĐ còn lại với các địa phương ngoài vùng KTTĐ thì chưa đủ mạnh. Như vậy, với vai trò là vùng động lực, đầu tàu phát triển kinh tế của cả nước thì kết quả phát triển kinh tế của các vùng KTTĐ vẫn chưa đạt được như kỳ vọng.

- Chuyển dịch cơ cấu nội ngành chưa trở thành xu hướng chủ đạo thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động của các địa phương trong vùng. Các vùng chưa tận dụng được tốt các lợi thế về điều kiện tự nhiên và xã hội để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nội ngành theo hướng chất lượng, hiệu quả và giá trị tăng cao.

- Chênh lệch về trình độ phát triển và thu nhập giữa các vùng còn lớn. Cụ thể, quy mô kinh tế giữa các vùng còn khá chênh lệch. Tỷ trọng GDP của Đồng bằng sông Hồng và vùng Đông Nam Bộ chiếm hơn 60% tỷ trọng GDP toàn quốc, trong khi đó tỷ trọng GDP vùng Trung du và miền núi phía Bắc và vùng Tây Nguyên chỉ đạt tương ứng là 7% và 4%. Không chỉ chênh lệch về quy mô kinh tế mà giữa các vùng còn có sự chênh lệch lớn về năng suất lao động. Cụ thể, năm 2018 vùng Đông Nam Bộ (vùng có năng suất lao động cao nhất) cao gấp 3,7 lần so với vùng Trung du và miền núi phía Bắc (vùng có năng suất lao động thấp nhất) (NCIF, 2020). Do quy mô kinh tế còn quá nhỏ, kéo theo nguồn tích lũy cho tăng trưởng thấp cùng với năng suất lao động thấp, chưa có sự cải thiện nên các vùng nghèo vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong huy động các nguồn lực. Năm 2022, vùng Đông Nam Bộ có mức thu nhập bình quân đầu người đạt 76 triệu đồng/người/năm, trong khi đó vùng Trung Du và miền núi phía Bắc chỉ đạt mức 38 triệu đồng/người/năm; tương tự, trong khi tỷ lệ hộ nghèo của vùng Đông Nam Bộ là 0.23% (năm 2022) thì vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 11,29%, cao nhất cả nước.

Ngoài ra số lượng doanh nghiệp chủ yếu tập trung ở vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông

Hồng, nơi tập trung hai trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2020, vùng Đông Nam Bộ có số lượng doanh nghiệp nhiều nhất cả nước, chiếm 41.1% số doanh nghiệp cả nước. Theo sau là vùng Đồng bằng sông Hồng chiếm 31.7% trong tổng số doanh nghiệp cả nước; trong khi đó vùng Tây Nguyên và vùng Trung du và miền núi phía Bắc chỉ chiếm lần lượt là 2.6% , 4.1% số lao động cả nước,

- Tăng trưởng kinh tế cùng mức độ tập trung kinh tế không đồng đều giữa các vùng cũng gây ra nhiều thách thức. Thách thức lớn nhất là sự tập trung dân cư đông đúc tại các thành phố lớn ở một số vùng, điều này gây ra sức ép cho hạ tầng giao thông, nhà ở, gia tăng các tệ nạn xã hội, hay là sự quá tải ở các bệnh viện, trường học ở các thành phố lớn. Trong khi đó, nhiều địa phương có kinh tế chậm phát triển hơn thì xảy ra hiện tượng già hóa vì lực lượng lao động trẻ đã di cư lên các thành phố lớn tìm việc làm tốt hơn.

4. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển vùng kinh tế

Một là, tập trung nâng cao sản xuất và tận dụng lợi thế của từng vùng để phát triển cơ cấu kinh tế nội ngành. Từ đó, hình thành các trung tâm kinh tế gắn với các phân vùng sản xuất chuyên môn hóa của từng vùng, làm động lực tăng trưởng nhanh, bền vững và định hướng dịch chuyển cơ cấu của cả vùng. Theo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050, nhằm phát huy tối đa thế mạnh của từng vùng, quy hoạch đã nêu rõ việc phát triển 6 vùng KTXH như sau:

- Vùng Trung du và miền núi phía Bắc: Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, đặc sản.

- Vùng Đồng bằng sông Hồng: Tập trung phát triển các ngành sản xuất công nghiệp và dịch vụ hiện đại. Xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo, đi đầu trong phát triển khoa học và công nghệ.

- Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung: Phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Nâng cao hiệu quả hệ thống cảng biển, các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp. Phát triển du lịch biển đảo, du lịch sinh thái và du lịch văn hóa – lịch sử.

- Vùng Tây Nguyên: Nâng cao hiệu quả phát triển cây công nghiệp. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản, năng lượng tái tạo; phát triển bền vững công nghiệp khai thác bôxít, chế biến nhôm, sản xuất nhôm.

- Vùng Đông Nam Bộ: Trở thành trung tâm năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, động lực tăng trưởng lớn nhất cả nước; là trung tâm khoa

học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao, logistics và trung tâm tài chính quốc tế có tính cạnh tranh cao trong khu vực.

- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Phát triển vùng trở thành trung tâm kinh tế nông nghiệp bền vững, năng động và hiệu quả cao của cả nước, khu vực và thế giới. Phát triển công nghiệp xanh, năng lượng tái tạo.

Hai là, đẩy mạnh thu hút các nguồn lực.. Huy động tối đa các nguồn lực, trong đó xác định lấy nội lực là cơ bản, chiến lược, lâu dài, quyết định. Xây dựng và hoàn thiện chính sách, cơ chế nhằm thúc đẩy thu hút các nguồn vốn đầu tư. Rà soát, sửa đổi pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định liên quan theo hướng tăng cường phân cấp huy động, sử dụng nguồn lực đầu tư ở Trung ương và địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương cùng đầu tư ngân sách vào các kết cấu hạ tầng dùng chung, kết cấu hạ tầng liên kết vùng.

Ba là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển các vùng và liên kết giữa các vùng trong cả nước. Chú trọng đầu tư toàn diện và bài bản cho quá trình đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực trong đó ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao và đi tạo nghề đón đầu xu hướng phát triển sản xuất. Xây dựng các chương trình đào tạo tổng thể nhằm phát triển nguồn nhân lực theo chiều sâu về nghề nghiệp, từ đó nâng cao năng suất và thu nhập của người lao động. Xây dựng và triển khai các chương trình thu hút nhân tài đặc biệt là đội ngũ các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia đạt trình độ quốc tế trong và ngoài nước.

Bốn là, tiếp tục xây dựng, đổi mới và hoàn thiện các chính sách phát triển vùng; thực hiện. Đổi mới tư duy, tầm nhìn, phát huy tính năng động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành phát triển vùng. Các cơ quan ở Trung ương cần tăng cường phối hợp với các địa phương trong xây dựng, hoàn thiện, ban hành và triển khai thực hiện luật pháp, chính sách ưu tiên, có tính đặc thù cho phát triển vùng. Đổi mới, hoàn thiện thể chế điều phối vùng có hiệu quả, phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế của từng vùng./.

Tài liệu tham khảo

Tổng cục Thống kê (2022).

Nguyễn Thị Hồng Lâm, Trần Thị Ngọc Minh (2023), Phát triển vùng theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng, Tạp chí Xây dựng Đảng.

Bùi Nhật Quang (2021), Phát triển vùng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn mới, Tạp chí phát triển bền vững vùng.

Trần Thị Thu Trang (2023), Thúc đẩy liên kết kinh tế trong quy hoạch phát triển vùng, Tạp chí Cộng sản.